

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công Dung

2. Bà Võ Thị Trà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thiên Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-7-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 1B, xã EaM'Droh, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 4, xã Lãnh Ngọc, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã T Hiệp, huyện T Phước, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không nhường nhịn nhau, cuộc sống hôn nhân rất bế tắc. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân được 2 năm, mỗi người sống mỗi nơi. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có với nhau 01 con chung tên Trần Anh Th, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu được nuôi con chung Trần Anh Th và yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T trình bày:*** Đối với yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H thì anh thống nhất do hiện nay anh chị đã không còn sống chung với nhau.

Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trần Anh Th, sinh ngày 06/8/2020. Ly hôn, anh thống nhất giao con chung Trần Anh Th cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung do anh là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định nên anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung trong khả năng có thể chứ không thể cấp dưỡng theo từng tháng được.

Về tài sản chung và nợ chung anh Trần Văn T không yêu cầu giải quyết.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; bản sao căn cước công dân; bản tự khai của các đương sự; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã T Hiệp, huyện T Phước, tỉnh Quảng Nam, anh Trần Văn T đang cư trú tại xã T Hiệp, huyện T Phước (nay là xã Lãnh Ngọc, thành phố Đà Nẵng). Chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện T Phước (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7- Đà Nẵng) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị H và bị đơn anh Trần Văn T đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng và anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị Hồng và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản khai của các đương sự đều thừa nhận hiện tại chị Hồng và anh T đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế, các anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Hồng và anh T không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T có 01 con chung tên Trần Anh Thư, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2020. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất giao con chung Trần Anh Thư cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh chị.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh Trần Văn T cho rằng thu nhập hiện nay anh không ổn định nên anh chỉ cấp dưỡng trong khả năng, không cấp dưỡng hàng tháng, Hội đồng xét xử xét thấy, nuôi con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ, người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, với việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị Đỗ Thị H so với mức sống hiện nay của một đứa trẻ là tương đối phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Đỗ Thị H, buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Anh Thư mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Trần Văn T không thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì hàng tháng anh Trần Văn T phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Đỗ Thị H phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.
- *Về con chung:* Giao con chung Trần Anh Th, (sinh ngày 06 tháng 8 năm 2020) cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi,

anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung Trần Anh Th đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Trần Văn T không thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì hằng tháng anh Trần Văn T phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về án phí*: Chị Đỗ Thị H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006006 ngày 28/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Phước, tỉnh Quảng Nam. Anh Trần Văn T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng; ;
- UBND xã Lãnh Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thanh Hải